

Số: 22/TTr-UBND

Pờ Tó, ngày 25 tháng 07 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG
Giảm nghèo bền vững năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Pờ Tó.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/07/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã Pờ Tó, khóa XIII – Kỳ họp thứ Hai xem xét, quyết định phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025, như sau:

I. Thẩm quyền

Theo quy định tại điểm c¹ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp huyện quy định tại Điểm này do Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện bởi Điểm a Khoản 1 Điều 5 Nghị định 125/2025/NĐ-CP Điểm a Khoản 1 Điều 5 Nghị định 125/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2025

¹ Điều 4. Cơ chế, chính sách đặc thù trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm:

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần.

II. Nội dung phân bổ

Đề xuất phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc Giảm nghèo bền vững năm 2025, số tiền: 1.472 triệu đồng; trong đó:

- + Nguồn vốn NSTW: 1.337,5 triệu đồng.
- + Ngân sách địa phương (ngân sách xã) số tiền: 134,5 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu phụ lục kèm theo).

Ủy ban nhân dân xã kính trình HĐND xã Pờ Tó xem xét, quyết định./ *oh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã
- Ban KTNS HĐND xã;
- Phòng KT; VHXH;
- Lưu: VT. *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hùng

PHÂN BỐ VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PỜ TÓ

(Kèm theo Tờ trình số: 22/TT-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Pờ Tó)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng vốn sự nghiệp					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NSTW	NSDP	Trong đó			
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		
	Tổng cộng	1.472,0	1.337,50	134,500	-	134,50		
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	589,0	536,00	53,000	-	53,00	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tô	* Đối tượng hỗ trợ: - Theo điểm b khoản 2 Mục III Theo 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2024; * Nội dung hỗ trợ thực hiện dự án. - Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Mục III Chương trình, Điều 20, Điều 21, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11, khoản 12 và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và Điều 24 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.
2	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	145,0	131,00	14,000	-	14,00		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	145,0	131,00	14,000	-	14,00	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tô	Thực hiện theo khoản 6 Điều 1 Thông tư 75/2024/TT-BTC ngày 16/12/2024
3	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	665,0	604,50	60,500	-	60,50		
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	437,0	398,00	39,000	-	39,00	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tô	Thực hiện theo Mục 4 - Dự án 4: Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.
3.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	228,0	206,50	21,500	-	21,50	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tô	Thực hiện theo Khoản 12 Điều 1 Thông tư 75/2024/TT-BTC ngày 16/12/2024
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	73,0	66,00	7,000	-	7,00	Phòng Kinh tế	
4.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	40,0	36,00	4,000	-	4,00		Thực hiện theo: Mục 7, Dự án 7: Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
4.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	33,0	30,00	3,000	-	3,00		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PỜ TÓ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Pờ Tó, ngày tháng 07 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PỜ TÓ
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ HAI (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/07/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 25/07/2025 của UBND xã về việc đề xuất phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND xã và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025, số tiền: 1.472 triệu đồng; trong đó:

+ Nguồn vốn NSTW: 1.337,5 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương (ngân sách xã) số tiền: 134,5 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã và Đại biểu HĐND xã theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND xã khóa XIII - Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày tháng 08 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các đại biểu HĐND xã khoá XIII;
- Lưu: VT.

Huỳnh Văn Trường

PHÂN BỐ VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PỜ TÓ

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND xã Pờ Tó)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng vốn sự nghiệp					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NSTW	NSDP	Trong đó			
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		
	Tổng cộng	1.472,0	1.337,50	134,500	-	134,50		
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	589,0	536,00	53,000	-	53,00	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tồ	* Đối tượng hỗ trợ: - Theo điểm b khoản 2 Mục III Theo 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2024; * Nội dung hỗ trợ thực hiện dự án. - Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Mục III Chương trình, Điều 20, Điều 21, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11, khoản 12 và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và Điều 24 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.
2	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	145,0	131,00	14,000	-	14,00		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	145,0	131,00	-14,000	-	14,00	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tồ	Thực hiện theo khoản 6 Điều 1 Thông tư 75/2024/TT-BTC ngày 16/12/2024
3	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	665,0	604,50	60,500	-	60,50		
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	437,0	398,00	39,000	-	39,00	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tồ	Thực hiện theo Mục 4 - Dự án 4: Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.
3.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	228,0	206,50	21,500	-	21,50	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tồ	Thực hiện theo Khoản 12 Điều 1 Thông tư 75/2024/TT-BTC ngày 16/12/2024
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	73,0	66,00	7,000	-	7,00	Phòng Kinh tế	
4.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	40,0	36,00	4,000	-	4,00		Thực hiện theo: Mục 7, Dự án 7: Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
4.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	33,0	30,00	3,000	-	3,00		

THUYẾT MINH

Về việc đề xuất phần bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2025

(kèm theo Tờ trình số: 22/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025)

1. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Tổng kế hoạch vốn: 589 triệu đồng. (vốn NSTW) (Thực hiện theo Điều 56, Điều 57 - TT 55-2023 BTC;

Nội dung, mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11, 12, 13 và 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); điểm c khoản 2 Mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg;

Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Có 6 nội dung¹ chi gồm:

UBND xã đề xuất dự án chi hỗ trợ giống vật nuôi: Hỗ trợ con giống là bò cái sinh sản: Lý do trong các năm trước đây UBND 2 xã cũ thường chọn phương án hỗ trợ bò cho hộ nghèo, bởi một số lý do như sau: (1) Xuất phát từ nhu cầu của người dân; (2) Các hộ nghèo được hỗ trợ bò, phần lớn do họ có đất sản xuất, nhưng có lao động nhàn dỗi đảm bảo việc chăn nuôi bò; Về hiệu quả: qua theo dõi, các hộ dân đều quan tâm chăm sóc bò; hàng năm bò sinh sản, tạo thu nhập cho người dân. Các năm tiếp theo UBND xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, đánh giá lại điều kiện của các hộ nghèo, cận nghèo về các điều kiện cần thiết để có kế hoạch xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

2. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: kinh phí: 145 triệu đồng.

Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: 145 triệu đồng: (Thực hiện theo Điều 58-TT55-2023 TT-BTC)

Nội dung và mức chi thực hiện hiện theo khoản 2 Điều 58, TT55/2023/TT-BTC, Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); điểm a khoản 3 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg²;

¹ 1. Chi đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm đối với hỗ trợ sản xuất cộng đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường cho người tham gia dự án.

2. Chi chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm

3. Chi hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù:

4. Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ

5. Chi xây dựng và quản lý dự án:

6. Chi hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

² Nội dung hỗ trợ;

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

Theo nhu cầu thực tế của người dân, UBND đề xuất hỗ trợ nhóm hộ thực hiện dự án nuôi bò cái sinh sản.

3. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: kinh phí 665 triệu đồng.

- Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Kinh phí 437 triệu đồng (Thực hiện theo Điều 68 TT55-2023 BTC)³.

- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: 228 triệu đồng: (Quy định Điều 71, 72, 73 TT 55-TT-BTC năm 2023)⁴

* **Tổ chức thực hiện:** Tất cả 3 nội dung trên đề xuất giao cho Ban Quản lý xã tổ chức thực hiện theo Khoản 3 Điều 26 NĐ 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Khoản 15 Điều 1 NĐ 138/2023/NĐ-CP⁵.

Cách thức triển khai thực hiện: Giao Ban Quản lý xã xây dựng kế hoạch chi tiết (Nội dung thực hiện, đối tượng thụ hưởng, đơn vị chủ trì thực hiện tiểu dự án, nội dung thành phần,...) báo cáo xin ý kiến Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy trước khi thực hiện.

4. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: Kinh phí 73 triệu đồng (thực hiện theo Điều 78, Điều 79 TT55/2023/TT-BTC)

- Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Kinh phí: 40 triệu đồng.

³ Điều 68. Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp:

1. Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Thông tư này. Riêng đối với mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp như sau:

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo: Tối đa bằng mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người thuộc hộ cận nghèo (2,5 triệu đồng/người/khóa học);

b) Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC.

2. Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ

⁴ Điều 71. Hỗ trợ giao dịch việc làm

1. Chi thuê địa điểm trong trường hợp diện tích đơn vị được giao nhiệm vụ không đáp ứng được, thuê phương tiện vận chuyển hoặc thuê thiết bị, nhân công phục vụ cho việc giao dịch, các khoản chi khác (nếu có).

1. Chi thuê địa điểm trong trường hợp diện tích đơn vị được giao nhiệm vụ không đáp ứng được, thuê phương tiện vận chuyển hoặc thuê thiết bị, nhân công phục vụ cho việc giao dịch, các khoản chi khác (nếu có): Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phù hợp với quy mô sản/phiên giao dịch, quy mô tổ chức hội chợ/ngày hội việc làm.

2. Chi thông tin, tuyên truyền nhằm phổ biến thông tin thị trường lao động và thu hút người lao động, doanh nghiệp tham gia các hoạt động giao dịch việc làm: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

3. Chi xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ về việc làm, thị trường lao động: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

4. Chi tập huấn, hướng dẫn tổ chức các giao dịch việc làm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.”

⁵ “3. Ban quản lý xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ban quản lý xã) được thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Trưởng Ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách ngành, lĩnh vực liên quan các chương trình mục tiêu quốc gia và đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư.”.

Nội dung: Chi xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo

- Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá: Kinh phí: 30 triệu đồng.

Nội dung: Chi xây dựng khung kết quả của Chương trình..;Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, tiểu dự án định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (nếu có)..;Chi rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Nội dung này giao Phòng Kinh tế thực hiện.